

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2025/QĐST-DS

L, ngày 16 tháng 9 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T

Địa chỉ: Toà nhà T, số 57 Lý Thường Kiệt, quận H, thành phố H

Nay là: Toà nhà TP Bank, số 57 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Vũ L – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân. (Theo Giấy uỷ quyền số 05/2025/GUQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP T).

Người được uỷ quyền lại:

1. Ông Trần Trung K, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ KHCN

2. Ông Nguyễn Quang Đ, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ KHCN

3. Ông Bùi Sỹ Q, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ KHCN

4. Ông Nguyễn Công Tr, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ KHCN

5. Ông Đỗ Đình H, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ KHCN

Cùng địa chỉ: Tầng 14, số 44 Lê Ngọc Hân, Phạm Đình Hổ, quận H, thành phố H.

Nay là: Tầng 14, số 44 Lê Ngọc Hân, phường H, thành phố H

6. Ông Đặng Văn Q, chức vụ: Nhân viên KHCN – Phòng KHCN – TP Bank L.

Địa chỉ: Số nhà 144, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh L

Nay là: Số nhà 144, đường H, phường L, tỉnh L.

(Theo Giấy uỷ quyền số 1696/2025/GUQ-TPB.CM ngày 29/4/2025).

- Bị đơn Ông La Ngọc S, sinh năm 1962. Địa chỉ: TDP X, thị trấn M, huyện M, tỉnh L.

Nay là: Thôn X, xã M, tỉnh L.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông La Ngọc S, sinh năm 1985. Địa chỉ: TDP X, thị trấn M, huyện M, tỉnh L.

Nay là: Thôn X, xã M, tỉnh L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông La Ngọc S phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng T khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 59/2024/HDTD/LCI ngày 23/9/2024 và khoản nợ thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 27/9/2024 đã ký kết với Ngân hàng T với tổng số tiền là 1.192.647.815đ (Một tỷ một trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm mười lăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 1.017.574.483 đồng, tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày 16/9/2025 là 34.528.508 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/9/2025 là 1.282.411 đồng. Tiền nợ gốc của thẻ tín dụng là 59.363.735 đồng; tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày 16/9/2025 là 30.111.458 đồng; Số tiền nợ phí quá hạn tính đến ngày 16/9/2025 là 49.787.219 đồng.

Kể từ ngày 17/9/2025 ông La Ngọc S còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 59/2024/HDTD/LCI ngày 23/9/2024 và khoản nợ thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng 59/2024/HDTD/LCI ngày 23/9/2024 và khoản thẻ tín dụng ngày 27/9/2024 các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông La Ngọc S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì nguyên đơn Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 170, địa chỉ: Lô số 06, khu đất tái định cư hồ N, tổ dân phố X, thị trấn M, huyện M, tỉnh L (Nay là Lô số 06, khu đất tái định cư hồ N, thôn X, xã M, tỉnh L). Diện tích 100 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY987243, Sổ vào sổ cấp giấy GCN: CH 00073/QSDĐ/QĐ150-UBND do UBND huyện M, tỉnh L cấp ngày 23/06/2016 cho ông Đinh Khánh T; Ngày 20/09/2024, chuyển nhượng cho ông La Ngọc S; thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 164/2024/HDBD/LCI ngày 23/9/2024; số công chứng 1465, quyển số 02-2024/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 23/9/2024 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh L; đã thực hiện đăng ký GĐDB ngày 23/9/2024.

Trường hợp đã xử lý hết tài sản thế chấp nêu trên mà vẫn chưa thu hồi hết khoản nợ của ông La Ngọc S cho nguyên đơn Ngân hàng T, ông La Ngọc S tiếp tục phải chịu trách nhiệm thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho nguyên đơn cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Về án phí: Ông La Ngọc S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 23.889.717đ (Hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, bảy trăm mười bảy đồng).

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền là 23.323.042đ (Hai mươi ba triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số: 0004901 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – L)

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông La Ngọc S phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, số tiền là 6.959.000đ (Sáu triệu chín trăm năm chín nghìn đồng). Xác nhận Ngân hàng T đã nộp tạm ứng đủ số tiền 6.959.000đ (Sáu triệu chín trăm năm chín nghìn đồng) nên ông La Ngọc S phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền 6.959.000đ (Sáu triệu chín trăm năm chín nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND khu vực 9 – L;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh L;
- Lưu hồ sơ;
- Tập QĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hiền Lương